CHUYÊN ĐỀ 7: CÂU HỎI ĐUÔI (TAG QUESTIONS)

A. BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

I. Choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 1. No one is better at English than Lan, _____?

A. is she **B**. isn't she **C**. are they **D**. aren't they

Question 2. There are a lot of people attending the wedding party, _____?

A. are they **B**. are there **C**. aren't they **D**. aren't there

Question 3. He seldom goes to the park, _____?

A. doesn't he **B**. is he **C**. does he **D**. isn't he

Question 4. Let's go for walk, _____?

A. will we **B**. shall we **C** .don't you **D**. do you

Question 5. I think he will come here, _____?

A. doesn't he **B**. won't he **C**. will he **D**. don't I

Question 6. The film is boring, _____?

A. is it **B**. are they **C**. isn't it **D**. aren't they

Question 7. You are listening to music, _____?

A. is you **B**. are you **C**. aren't you **D**. were you

Question 8. He can speak English, _____ ?

A. can he **B**. can't he **C**. can't him **D**. could he

Question 9. You don't know her,_____ ?

A. do you **B**. don't you **C**. are you **D**. aren't you

Question 10. Nga speaks English very well, _____?

A. does she **B**. doesn't she **C**. is she **D**. was she

Question 11. John has bought a dictionary, _____?

A. does he **B**. did he **C**. has he **D**. hasn't he

Question 12. They met him at the party last night, _____?

A. do they **B**. don't they **C**. did they **D**. didn't they

Question 13. They are going to do the test tomorrow,_____?

A. do they **B**. are they **C**. aren't they **D**. did they

Question 14. I'm short, _____?

A. am not I **B**. aren't you **C**. are you **D**. aren't I

Question 15. No one is in this room now, _____?

A. is one **B**. isn't one **C**. is he **D**. are they

II. Complete the following sentences with tag questions.

Question 16. I am a teacher, _____?

Question 17. Nothing can make you change your love, _____?

Question 18. There were many people in the hall, _____?

Question 19. Nobody asked him to answer questions, _____?

Question 20. John should pass the exam, _____?

Question 21. Let's go jogging now, _____?

Question 22. These students seldom do their exercises, _____?

Question 23. You had a wonderful day, _____?

Question 24. People speak English in the world, _____?

Question 25. She hasn't seen him for ages, _____?

B. ANSWER KEY

Question 1

Trong câu có *no one* nên phần hỏi đuôi dùng đại từ *they* và thể khẳng định.

Dịch: Không ai giỏi tiếng anh hơn Lan, phải không?

⇨ **Đáp án C**

Question 2

Phía trước là *there are* nên phần hỏi đuôi là *aren't there*.

Dịch: Có nhiều người tham dự tiệc cưới, phải không?

⇨ **Đáp án D**

Question 3

Trong câu có trạng từ tần suất *seldom* nên phần hỏi đuôi phải ở thể khẳng định và dùng trợ động từ *does*

Dịch: Anh ấy hiếm khi đi tới công viên, phải không?

⇨ **Đáp án C**

Question 4

Phía trước là *let's* nên phần hỏi đuôi dùng *shall we*

Dịch: Chúng ta hãy đi dạo nhé?

⇨ **Đáp án B**

Question 5

Phía trước có *I think* nên phần hỏi đuôi theo mệnh đề phía sau đó.

I think + S2 + V…+ trợ động từ (not) + S2?

Mệnh đề sau *I think* ở thì tương lai đơn (khẳng định) => phần hỏi đuôi dùng thể phủ định (thì tương lai đơn)

Dịch: Tôi nghĩ anh ấy sẽ đến đây, phải không?

⇨ **Đáp án B**

Question 6

Chủ ngữ phía trước là *the film* nên phần hỏi đuôi dùng đại từ *it*.

Dịch: Bộ phim thì nhàm chán, phải không?

⇨ **Đáp án C**

Question 7

Phía trước là thì hiện tại tiếp diễn (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại tiếp diễn (phủ định).

You are…, aren't you?

Dịch: Bạn đang nghe nhạc, phải không?

⇨ **Đáp án C**

Question 8

Phía trước dùng *can* nên phần hỏi đuôi dùng *can't* + đại từ nhân xưng?

Dịch: Anh ấy có thể nói Tiếng Anh, phải không?

⇨ **Đáp án B**

Question 9

Phía trước là thì hiện tại đơn (phủ định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại đơn (khẳng định).

You don't…., do you?

Dịch: Bạn không biết cô ấy, phải không?

⇨ **Đáp án A**

Question 10

Phía trước là thì hiện tại đơn (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại đơn (phủ định)

Nga speaks…., doesn't she?

Dịch: Nga nói tiếng anh tốt, phải không?

⇨ **Đáp án B**

Question 11

Phía trước là thì hiện tại hoàn thành (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại hoàn thành (phủ định).

John has bought…., hasn't he?

Dịch: John vừa mua một quyển từ điển, phải không?

⇨ **Đáp án D**

Question 12

Phía trước là thì quá khứ đơn (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì quá khứ đơn (phủ định).

They met…., didn't they?

Dịch: Họ đã gặp anh ấy ở bữa tiệc tối qua, phải không?

⇨ **Đáp án D**

Question 13

Phía trước là thì tương lai gần (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì tương lai gần (phủ định).

They are……. aren't they?

Dịch: Họ sẽ làm bài kiếm tra vào ngày mai, phải không?

⇨ **Đáp án C**

Question 14

Phía trước là *I am* nên phần hỏi đuôi dùng *aren't I*

Dịch: Tôi thấp, phải không?

⇨ **Đáp án D**

Question 15

Phía trước có *no one* nên phần hỏi đuôi dùng đại từ *they* và thể khẳng định của thì hiện tại đơn.

Dịch: Bây giờ không ai ở trong phòng này, phải không?

⇨ **Đáp án D**

Question 16 aren't I

Nếu câu trần thuật bắt đầu bằng *I am* thì phần hỏi đuôi là *aren't I*

"Tôi là giáo viên phải không?"

Question 17 can it

Trong câu có *nothing* nên ta dùng đại từ *it*, mang nghĩa phủ định nên phần đuôi phải khẳng định.

"Không gì có thể làm bạn thay đổi tình yêu của bạn, phải không".

Question 18 weren't there

Vế trước là thể khẳng định của thì quá khứ đơn với động từ *to be* ở quá khứ nên phần hỏi đuôi ở dạng phủ định với động từ *to be*.

"Có nhiều người ở trong hội trường phải không?"

Question 19 did they

Trong câu có *nobody* dùng đại từ *they*, mang nghĩa phủ định nên phần đuôi phải khẳng định.

"Không ai yêu cầu anh ấy trả lời câu hỏi phải không?"

Question 20 shouldn't he

"John nên thi đậu phải không?"

Question 21 shall we

Đây là lời đề nghị với *let's* nên phần hỏi đuôi là *shall we*.

"Bây giờ chúng ta đi chạy bộ nhé?"

Question 22 do they

Trong câu có s*eldom* nên phần đuôi phải khẳng định.

"Những học sinh này hiếm khi làm bài tập phải không?"

Question 23 didn't you

"Bạn đã có một ngày tuyệt vời phải không?"

Question 24 don't they

"Mọi người nói Tiếng Anh trên thế giới phải không?"

Question 25 has she

"Lâu rồi cô ấy không gặp anh ấy phải không?"

C. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CẦN GHI NHỚ

*** Tag questions (Câu hỏi đuôi)**

1. Định nghĩa:

Câu hỏi đuôi là một câu hỏi ngắn được thêm vào cuối câu trần thuật và được ngăn cách bằng dấu phẩy theo công thức: câu trần thuật, phần đuôi?

E.g: It's a table, isn't it ?

2. Cách thành lập

Câu hỏi đuôi được thành lập bằng một trợ động từ (hoặc động từ *to be*) và một đại từ nhân xưng (chỉ chủ ngữ của câu): auxiliary verb (+ not) + pronoun.

a. Câu hỏi đuôi phủ định

Câu hỏi đuôi phủ định (auxiliary verb + not + pronoun) được dùng sau câu trần thuật khẳng định. Hình thức phủ định thường được rút gọn (not = n't)

Câu hỏi đuôi phủ định bao gồm: "câu khẳng định và phần đuôi phủ định"

E.g:

- She is reading books, isn't she? (Cô ấy đang đọc sách, phải không?)
- Mr Nam can speak English well, can't he? (Ông Nam có thể nói tiếng anh tốt, phải không?)
- They did the test yesterday, didn't they? (Họ đã làm bài kiểm tra vào hôm qua, phải không?)

b. Câu hỏi đuôi khẳng định

Câu hỏi đuôi khẳng định (auxiliary verb + pronoun) được dùng sau câu trần thuật phủ định.
- Câu hỏi đuôi khẳng định bao gồm "câu phủ định và phần đuôi khẳng định"

E.g:

- Nga isn't a student, is she? (Nga không phải là học sinh, phải không?)
- I shouldn't smoke here, should I? (Tôi không nên hút thuốc ở đây, phải không?)
- Her parents don't work in this company, do they? (Bố me cô ấy không làm việc ở công ty này, phải không?)

3. Các trường hợp đặc biệt:

a. I am…., aren't I?

b. Let's V.., shall we?

c. Don't V, will you?

d. Khi chủ ngữ là *this/that*, thì phần hỏi đuôi ta dùng chủ ngữ *it*

This is a book, isn't it?

e. Khi chủ ngữ là *these, those* thì phần hỏi đuôi ta dùng chủ ngữ *they*

f. Khi chủ ngữ là *there*, phần hỏi đuôi ta vẫn dùng *there*

g. Đối với câu mệnh lệnh mang ý nghĩa mời, đề nghị thì phần hỏi đuôi ta dùng *will you*

h. Khi chủ ngữ là những đại từ bất định như: *anyone, anybody, no one, nobody, everybody, everyone, somebody, someone* thì chúng ta dùng đại từ "*they*" làm chủ từ trong câu hỏi đuôi.

Ví dụ: Everyone is going to the museum, aren't they?

There is no one in the class, are there? (vì trước là no one nên dùng khẳng định ở phía sau)

i. Khi chủ ngữ là những đại từ bất định như everything, something, anything, nothing thì chúng ta dùng đại từ "*it*" làm chủ từ trong câu hỏi đuôi.

j. Khi mệnh đề chính có cấu trúc: "I + think/believe/suppose/……"+ mệnh đề phụ thì ta dùng động từ trong mệnh đề phụ để xác định động từ cho câu hỏi đuôi.

Ví dụ: I think she will meet him, won't she?

k. Cũng mẫu cấu trúc này nhưng nếu chủ từ không phải là *I* thì dùng động từ chính trong câu (*think/believe/suppose/…*) để xác định động từ cho câu hỏi đuôi.

Ví dụ: She **thinks** he will come, **doesn't** she?

l. Khi vế đầu sử dụng động từ *had better*, ta mượn trợ động từ *had* để lập câu hỏi đuôi; Khi vế đầu sử dụng động từ *would rather*, ta mượn trợ động từ *would* để lập câu hỏi đuôi.

4. Cách dùng

Trong văn nói, ý nghĩa của câu hỏi đuôi tùy thuộc vào cách diễn đạt.

- Nếu xuống giọng ở câu hỏi đuôi có nghĩa là không thật sự đặt câu hỏi, chỉ muốn người nghe đồng ý với mình.

- Nếu lên giọng ở câu hỏi đuôi, thì đó là câu hỏi thực sự.



Những điều chưa biết về Vương Quốc Anh (Phần II)

1. Đã có hơn mười người phản ánh việc thấy quái vật Nessie liều mình đi loanh quanh hồ Loch Ness ở Scotland

2. Ban nhạc Pop nổi tiếng nhất của nước Anh - "The Beatles" từng có tên "Johnny and Moondogs", Johnny tất nhiên là John Lennon.

3. Có 9 ngai vàng cho đến nay: một chiếc ở House of Lords, một ở Westminster và 6 ở phòng ngai vàng của điện Buckingham.

4. Ở London, chuyến tàu điện ngầm đi từ quảng trường Leicester đến vườn Covent được nhiều du khách lựa chọn nhất mặc dù đi bộ còn nhanh hơn.

5. Britain là quốc gia duy nhất trên thế giới không in tên của mình trên con tem.

6. Đỉnh núi cao nhất thuộc về Ben Nevis ở Scotland với chiều cao 1.343m.

7. Dòng sông dài nhất là sông Severn 354km. Con sông bắt nguồn ở xứ Wales và chảy vào kênh đào Bristol.

8. Có hơn 30 ngôn ngữ được nói ở England.

9. Britain là hòn đảo đông dân thứ ba và lớn thứ 9 trên thế giới với hơn 1.000 hòn đảo nhỏ hơn bao quanh.

10. Britain có một cuộc thi lăn pho mát thường niên khi người chạy đuổi theo một khối pho mát Glousester từ đồi Coppers Hill.

Phần II: LUYỆN ĐỀ

A. ĐỀ HƯỚNG DẪN CHI TIẾT **71**

Đề số 1 71
Đề số 2 82
Đề số 3 92
Đề số 4 105
Đề số 5 113
Đề số 6 125
Đề số 7 136
Đề số 8 147
Đề số 9 158
Đề số 10 170
Đề số 11 181
Đề số 12 192
Đề số 13 201
Đề số 14 210
Đề số 15 226
Đề số 16 237
Đề số 17 248
Đề số 18 258
Đề số 19 269
Đề số 20 279

B. ĐỀ TỰ LUYỆN **290**

Đề số 1 290
Đề số 2 294
Đề số 3 298
Đề số 4 301
Đề số 5 305
Đề số 6 308
Đề số 7 312
Đề số 8 315
Đề số 9 318
Đề số 10 322